

Số: 3742/BTC-TCHQ

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2013

V/v hướng dẫn sử dụng tờ khai theo
Thông tư số 15/2012/TT-BTC và
Thông tư số 196/2012/TT-BTC

Kính gửi: Cục Hải quan tỉnh, thành phố

Để kịp thời tháo gỡ vướng mắc khi áp dụng mẫu tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu mới ban hành theo Thông tư số 15/2012/TT-BTC ngày 08/02/2012 và Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Tài chính hướng dẫn thống nhất cách sử dụng mẫu tờ khai như sau:

1. Về phụ lục tờ khai:

1.1. Đối với thủ tục hải quan truyền thống:

a. Khai báo dòng hàng trên phụ lục tờ khai nhập khẩu:

- Để việc dùng mẫu phụ lục tờ khai hàng hóa nhập khẩu được linh hoạt, không gây lãng phí như phản ánh của một số Cục Hải quan địa phương và doanh nghiệp thì khi mở tờ khai nhập khẩu đối của lô hàng phải khai báo trên phụ lục tờ khai người khai hải quan khai lần lượt những tiêu chí về mô tả hàng hóa nhập khẩu, tính thuế theo mẫu. Trong trường hợp dòng hàng nhập khẩu không thuộc đối tượng chịu sắc thuế nào thì có thể ẩn dòng tính thuế liên quan đến sắc thuế đầy trên mẫu in ra. Sau khi khai xong lượng dòng hàng của tờ khai nhập thì mới tiến hành khai số lượng container và ký tên, ghi ngày/tháng/năm và đóng dấu ở cuối phụ lục, trường hợp không phải khai báo số lượng container trên phụ lục (hàng lẻ, hàng rời, hàng lỏng...) thì ẩn đi phần khai báo liên quan đến số lượng container. Cụ thể như ví dụ sau:

+ Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu chỉ có thuế nhập khẩu và thuế GTGT khi sử dụng phụ lục tờ khai nhập khẩu sẽ ẩn đi phần tính thuế TTĐB, thuế BVMT, sau khi khai hết phần dòng hàng thuộc tờ khai mới tiến hành khai số lượng container và ký tên, ghi ngày/tháng/năm và đóng dấu ở cuối phụ lục (*kèm mẫu để tham khảo*);

+ Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu không thuộc đối tượng chịu thuế NK, thuế TTĐB, thuế BVMT và thuế GTGT hoặc hàng nhập khẩu theo loại hình gia công (trừ trường hợp nguyên liệu gia công thuộc đối tượng chịu thuế BVMT) thì khi khai trên phụ lục tờ khai nhập khẩu hàng hóa theo từng dòng, không khai phần tính thuế (ẩn hết phần tính thuế trên phụ lục tờ khai) và ghi trên tờ khai nhập khẩu hàng không thuộc diện chịu thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế BVMT và thuế GTGT tại ô 30 trên tờ khai nhập khẩu. Sau khi khai hết phần dòng hàng của tờ khai nhập khẩu trên phụ lục tờ khai mới tiến hành khai số lượng container và ký tên, ghi ngày/tháng/năm và đóng dấu ở cuối phụ lục (*kèm mẫu để tham khảo*);

- Trường hợp hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng giảm thuế, miễn thuế người khai hải quan phải khai đầy đủ thông tin theo đúng quy định.

b. Khai báo số container trên phụ lục tờ khai:

Việc khai báo số container trên phụ lục tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện sau khi khai báo xong về dòng hàng của tờ khai trên phụ lục và số lượng container sẽ được khai báo tuân tự đến khi hết số lượng container của tờ khai. Sau khi khai báo đầy đủ thông tin hàng hóa và số container như hướng dẫn trên thì ký tên, ghi ngày/tháng/ năm và đóng dấu cuối phụ lục theo quy định. Trường hợp sử dụng phụ lục tờ khai chỉ để khai báo số container sẽ ẩn hết các thông tin liên quan đến dòng hàng trên mẫu phụ lục tờ khai (*kèm theo mẫu để tham khảo*);

c. Trường hợp phụ lục tờ khai có nhiều trang thì người khai tiến hành đóng dấu giáp lai trên phụ lục.

1.2. Đối với thủ tục hải quan điện tử:

Trên cơ sở hướng dẫn sử dụng phụ lục tờ khai đối với thủ tục hải quan truyền thống, Tổng cục Hải quan chuẩn bị điều kiện về công nghệ thông tin để phục vụ việc in ra mẫu phụ lục tờ khai điện tử theo nguyên tắc đã thống nhất ở trên;

2. Để thống nhất việc theo dõi, quản lý đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu là hàng hàng lẻ, hàng rời, hàng lỏng không vận chuyển trong container, người khai ghi rõ là hàng lẻ/hàng rời hoặc hàng lỏng vào ô số hiệu container và khai báo tổng số lượng kiện, tổng trọng lượng hàng/ thể tích (nếu có) tại ô số 25 (tờ khai xuất khẩu) và ô số 31 (tờ khai nhập khẩu).

3. Về cách ghi tiêu chí đơn vị tính trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu người khai thực hiện ghi đơn vị tính của từng mặt hàng theo đơn vị quy định tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

4. Hiện nay ngành Hải quan chưa áp dụng quản lý bằng công nghệ mã vạch nhưng theo mẫu tờ khai ban hành thì có mã vạch tại phía trên bên trái. Do vậy, để tạo điều kiện cho doanh nghiệp tự in, tự thiết kế tờ khai theo mẫu quy định cho phép sử dụng cả mẫu tờ khai không có mã vạch trong khai báo thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu. Khi cơ quan Hải quan triển khai quản lý bằng mã vạch, Bộ Tài chính sẽ có hướng dẫn cụ thể sau.

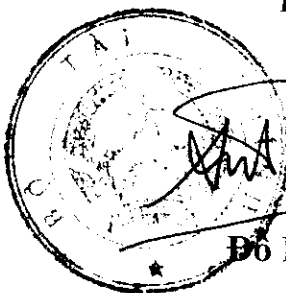
Văn bản này được thông báo công khai tại các địa điểm làm thủ tục hải quan để các doanh nghiệp biết và thực hiện.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì kịp thời phản ánh về Tổng cục Hải quan để tổng hợp báo cáo Bộ cho ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Hải quan;
- Vụ PC, Vụ CST, TCT (để phối hợp);
- Website Hải quan;
- Lưu: VT, TCHQ (46).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

(Trường hợp hàng hóa không chịu thuế TTĐB, thuế BVMT)

| Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai: | | | | Phụ lục số: | | | Số tờ khai: | |
|------------------------------------|----------------------|---------------------------------------|-------------|--------------------|-------------------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập: | | | | Ngày, giờ đăng ký: | | | Loại hình: | |
| Số TT | 18. Mô tả hàng hóa | 19. Mã số hàng hóa | 20. Xuất xứ | 21. Chế độ ưu đãi | 22. Lượng hàng | 23. Đơn vị tính | 24. Đơn giá nguyên tệ | 25. Trị giá nguyên tệ |
| 1 | | | | | | | | |
| Loại thuế | | Trị giá tính thuế/ Số lượng chịu thuế | | | Thuế suất (%) / Mức thuế | | Tiền thuế | |
| 26. Thuế nhập khẩu | | | | | | | | |
| 29. Thuế GTGT | | | | | | | | |
| Cộng: | | | | | | | | |
| Số TT | 18. Mô tả hàng hóa | 19. Mã số hàng hóa | 20. Xuất xứ | 21. Chế độ ưu đãi | 22. Lượng hàng | 23. Đơn vị tính | 24. Đơn giá nguyên tệ | 25. Trị giá nguyên tệ |
| 2 | | | | | | | | |
| Loại thuế | | Trị giá tính thuế/ Số lượng chịu thuế | | | Thuế suất (%) / Mức thuế | | Tiền thuế | |
| 26. Thuế nhập khẩu | | | | | | | | |
| 29. Thuế GTGT | | | | | | | | |
| Cộng: | | | | | | | | |
| Số TT | 18. Mô tả hàng hóa | 19. Mã số hàng hóa | 20. Xuất xứ | 21. Chế độ ưu đãi | 22. Lượng hàng | 23. Đơn vị tính | 24. Đơn giá nguyên tệ | 25. Trị giá nguyên tệ |
| 3 | | | | | | | | |
| Loại thuế | | Trị giá tính thuế/ Số lượng chịu thuế | | | Thuế suất (%) / Mức thuế | | Tiền thuế | |
| 26. Thuế nhập khẩu | | | | | | | | |
| 29. Thuế GTGT | | | | | | | | |
| Cộng: | | | | | | | | |
| Số TT | 18. Mô tả hàng hóa | 19. Mã số hàng hóa | 20. Xuất xứ | 21. Chế độ ưu đãi | 22. Lượng hàng | 23. Đơn vị tính | 24. Đơn giá nguyên tệ | 25. Trị giá nguyên tệ |
| 4 | | | | | | | | |
| Loại thuế | | Trị giá tính thuế/ Số lượng chịu thuế | | | Thuế suất (%) / Mức thuế | | Tiền thuế | |
| 26. Thuế nhập khẩu | | | | | | | | |
| 29. Thuế GTGT | | | | | | | | |
| Cộng: | | | | | | | | |
| 31. Lượng hàng, số hiệu container: | | | | | | | | |
| Số TT | a. Số hiệu container | b. Số lượng kiện trong container | | | c. Trọng lượng hàng trong container | | | |
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | |
| 4 | | | | | | | | |
| Cộng: | | | | | | | | |

33. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên tờ khai
 Ngày tháng năm
 (Người khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

| Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai: | | | Phụ lục số: | | | | Số tờ khai: | |
|------------------------------------|----------------------|----------------------------------|--------------------|-------------------|-------------------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập: | | | Ngày, giờ đăng ký: | | | | Loại hình: | |
| Số TT | 18. Mô tả hàng hóa | 19. Mã số hàng hóa | 20. Xuất xứ | 21. Chế độ ưu đãi | 22. Lượng hàng | 23. Đơn vị tính | 24. Đơn giá nguyên tệ | 25. Trị giá nguyên tệ |
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | |
| 4 | | | | | | | | |
| 5 | | | | | | | | |
| 6 | | | | | | | | |
| 7 | | | | | | | | |
| 8 | | | | | | | | |
| 9 | | | | | | | | |
| 10 | | | | | | | | |
| 11 | | | | | | | | |
| 12 | | | | | | | | |
| 13 | | | | | | | | |
| 14 | | | | | | | | |
| 15 | | | | | | | | |
| 16 | | | | | | | | |
| 17 | | | | | | | | |
| 18 | | | | | | | | |
| 19 | | | | | | | | |
| 20 | | | | | | | | |
| 31. Lượng hàng, số hiệu container: | | | | | | | | |
| Số TT | a. Số hiệu container | b. Số lượng kiện trong container | | | c. Trọng lượng hàng trong container | | | |
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | |
| 4 | | | | | | | | |
| | | | | | Cộng: | | | |

33. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên tờ khai
 Ngày tháng năm
 (Người khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Trường hợp khai báo về container)

| Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai: | | Phụ lục số: | Số tờ khai: |
|------------------------------------|----------------------|----------------------------------|-------------------------------------|
| Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập: | | Ngày, giờ đăng ký: | Loại hình: |
| 31. Lượng hàng, số hiệu container: | | | |
| Số TT | a. Số hiệu container | b. Số lượng kiện trong container | c. Trọng lượng hàng trong container |
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| 3 | | | |
| 4 | | | |
| 5 | | | |
| 6 | | | |
| 7 | | | |
| 8 | | | |
| 9 | | | |
| | | | Cộng: |

33. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên tờ khai
 Ngày tháng năm
 (Người khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)